

Số: /GPMT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 24/QĐ-UBND ngày 02/01/2025 về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu An Khánh tại xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành (nay là xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hóa); số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Thanh Hoá;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 01/2025/CV-ANKHANH ngày 22/9/2025 và số 02/2025/CV-ANKHANH ngày 24/10/2025 của Công ty TNHH An Khánh và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1340/TTr-SNNMT ngày 01/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH An Khánh, địa chỉ tại xã Định Tân, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may xuất khẩu An Khánh tại thôn Đồng Khanh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung, như sau:

1. Thông tin chung của các cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may xuất khẩu An Khánh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đồng Khanh, xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 2801133855, đăng ký lần đầu ngày 30/06/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/12/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2801133855.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 21.460 m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động: 2.000.000 sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ: Nguyên liệu → Cắt → May → Là → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH An Khánh

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH An Khánh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Từ ngày 10/11/2025 đến ngày 10/11/2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Kim Tân tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở NN&MT (để theo dõi);
- UBND xã Kim Tân (để theo dõi);
- CTy TNHH An Khánh (để thực hiện);
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC 01

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ bồn cầu, xí tiêu của cán bộ, công nhân viên.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động xả cặn nồi hơi điện.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 78,03 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 đến nguồn số 04 có tổng lưu lượng 78,03 m³/ngày.đêm được dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất 88 m³/ngày.đêm, sau đó chảy ra mương tưới tiêu phía Bắc Nhà máy rồi chảy ra sông Bưởi, thuộc địa phận xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tưới tiêu phía Bắc Nhà máy sau đó thoát ra sông Bưởi, thuộc xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá (đã được UBND xã Kim Tân thống nhất tại Văn bản số 159/UBND-KT ngày 30/10/2025).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 dòng nước thải (xử lý nước thải từ nguồn số 01 đến nguồn số 04) sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở, công suất 88 m³/ngày.đêm được chảy ra mương tưới tiêu phía Bắc Nhà máy sau đó thoát ra sông Bưởi, thuộc xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X= 2228001.33 (m); Y= 572400.677 (m).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất đề nghị cấp phép: 78,03 m³/ngày.đêm, trung bình 3,25 m³/h.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tự chảy theo đường ống UPVC D110 ra mương tưới tiêu phía Bắc Nhà máy sau đó thoát ra sông Bưởi, thuộc xã Kim Tân, tỉnh Thanh Hoá.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động
2	pH	-	5-9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 30		
4	COD	mg/l	≤ 100		
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 60		
6	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	≤ 30		
7	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 3,0		
8	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 8,0		
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	≤ 5,0		
12	Tổng coliform	MPN/100ml	≤ 5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 (nước thải từ bồn cầu, xí tiêu → Bể tự hoại 3 ngăn) → Hồ ga → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống UPVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 88 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 (nước thải từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn → Các hố thu gom có lắp đặt các lưới chắn rác → Đường ống thu gom

UPVC, D250) → Hồ ga → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống UPVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 88 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 03 (nước thải nhà ăn → Bể tách mỡ) → Hồ ga → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống UPVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 88 m³/ngày.đêm.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 04 (nước thải từ hoạt động xả cặn nồi hơi điện → Hồ ga → Tuyến thu gom nước thải bằng đường ống UPVC D250 → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 88 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ:

- *Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh*: Gồm 04 bể tự hoại 03 ngăn có tổng dung tích 80 m³ dưới các nhà vệ sinh để xử lý sơ bộ nước thải từ hố tiêu trước khi đưa về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- *Xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn*: 01 bể tách mỡ có dung tích 12 m³ dưới khu vực nhà ăn để xử lý sơ bộ trước khi đưa về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- *Xử lý nước thải rửa tay chân*: Các hố thu gom có lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ trước khi đưa về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Cống đầu nổi nước thải ra mương tưới tiêu phía Bắc Nhà máy → Sông Bưởi.

- Công suất thiết kế: 01 hệ thống 88 m³/ngày.đêm.

- Các thiết bị công nghệ: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy sục khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Methanol (mật rỉ đường), NaOH, NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. *Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục*: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải lưu giữ trong các bể của hệ thống xử lý nước thải với thời gian lưu nước thải của khối bể khoảng 40 giờ. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, khắc phục và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý. Trường hợp hệ thống

xử lý vẫn không khắc phục được thì nhà máy tạm thời dùng xả nước thải và thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại đến hút mang ra ngoài xử lý trong lúc nhà máy xử lý sự cố.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, đơn vị thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập nhật ký vận hành và ghi chép đầy đủ các thông số: Lưu lượng nước thải, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, loại và lượng hóa chất sử dụng, chỉ số điện tiêu thụ,... vào sổ nhật ký vận hành hằng ngày.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống. Thực hiện đánh giá liên tục về hiệu suất của hệ thống. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để nâng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 11/2026 đến tháng 01/2027.

2.2. Công trình thiết bị vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 88 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 88 m³/ngày.đêm tại bể thu gom.

- Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 88 m³/ngày.đêm tại cống đầu nổi nước thải sau xử lý của cơ sở ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của các cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra và lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (ghi rõ số chỉ đồng hồ hàng ngày, hóa chất sử dụng, thời điểm sửa chữa, thay thế đồng hồ (nếu có)...); lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung ra môi trường.

3.4. Trong quá trình xả nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước, Công ty phải dừng ngay việc xả thải và báo cáo kịp thời về UBND xã Kim Tân, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa.

3.5. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi xảy ra sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường), UBND xã Kim Tân, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.6. Báo cáo cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về kế hoạch vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.7. Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.8. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về cơ quan cấp Giấy phép môi trường (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định khoản 11 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.9. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6, Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG QUẢN LÝ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

- Không cấp phép nội dung xả khí thải.
- Nguồn phát sinh khí thải phải quản lý:
 - + Nhiệt dư phát sinh từ nồi hơi điện.
 - + Khí thải từ ống thoát khí của máy phát điện dự phòng.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp quản lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nhiệt dư phát sinh từ nồi hơi điện được hạn chế bằng cách bố trí hệ thống thông gió tản nhiệt tại phòng đặt nồi hơi, đảm bảo không phát sinh nguồn nhiệt gây ô nhiễm môi trường xung quanh (không phải xử lý, do nồi hơi điện không đốt nhiên liệu nên không phát sinh khí thải).

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện được thu gom, thoát ra môi trường qua ống thoát khí (ống thoát khí thải đồng bộ cùng máy phát điện).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ nguồn số 01: Nồi hơi điện → Nhiệt dư → Thông gió tản nhiệt → Môi trường.

- Khí thải từ nguồn số 02: Khí thải máy phát điện → Ống thoát khí thải (đồng bộ cùng máy phát điện) → Môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình lò hơi điện, hệ thống sản xuất và máy phát điện.

2.2. Đối với hệ thống ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tuy nhiên, yêu cầu Công ty phải đảm bảo luôn sử dụng nhiên liệu đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, Công ty báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cấp giấy phép để kiểm tra xem xét giải quyết.

2.4. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống ống thoát khí thải, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến cơ quan cấp giấy phép, UBND xã Kim Tân để kịp thời xử lý.

PHỤ LỤC 03
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị làm việc trong xưởng sản xuất.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Công ty, từ phương tiện giao thông của cán bộ công nhân viên khi đi làm và tan ca.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy bơm tại khu vực xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy nén khí tại khu vực nhà máy nén khí.

- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Nguồn	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Ghi chú
Nguồn số 01-05	70	65	60	Khu vực E

2.2. Độ rung:

Nguồn	Ngày (06h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)	Ghi chú
Nguồn số 01-05	70	65	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý nước thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy nén khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Công ty nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin thải	Rắn	16 01 12	2
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	4
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10
4	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	20
Tổng				36

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải các loại	8.250
2	Vải lót	476
3	Chỉ	52
4	Nhãn mác	6
5	Túi nylon	36
6	Băng dán thùng	2
7	Hộp carton	76
Tổng		8.898

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 516 kg/ngày tương đương 160.992 kg/năm.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	10
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	4
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì đựng hóa chất)	Rắn	18 01 03	20
Tổng				34

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng chứa chuyên dụng loại 200 lít/thùng, có nắp đậy, ghi rõ tên chất thải, mã chất thải nguy hại, có dấu hiệu cảnh báo ở bên ngoài thùng chứa.
- Toàn bộ chất thải phát sinh sẽ được công nhân vệ sinh thu gom và vận chuyển đến khu lưu giữ chất thải nguy hại để chờ đưa đi xử lý.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa CTNH của cơ sở có diện tích 12,56 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế kho chứa tiêu chuẩn có tường bao bằng gạch, mái tôn kín mít không thấm nước, nền bê tông cốt thép chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.
- Khu vực lưu chứa CTNH của cơ sở phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn không tái chế:
 - + Bố trí 10 thùng nhựa dung tích 100 lít/thùng để thu gom chất thải rắn phát sinh tại khu vực nhà xưởng sản xuất.
- Đối với chất thải rắn tái chế:
 - + Bố trí 05 thùng nhựa dung tích 150 lít/thùng để thu gom chất thải rắn tái chế được phân loại ngay tại nguồn phát sinh, cuối ngày công nhân đưa về kho chất thải rắn thông thường diện tích 74 m² để lưu giữ.
 - + Hàng ngày, công nhân vệ sinh thu gom chuyển về kho chứa chất thải rắn thông thường để chờ đưa đi xử lý.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường của cơ sở có diện tích 74 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế kho chứa tiêu chuẩn có tường bao bằng gạch, mái tôn kín không thấm nước, nền bê tông cốt thép chống thấm, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 04 thùng nhựa dung tích 40 lít/thùng có nắp đậy để thu gom thực phẩm thừa tại nhà ăn. Không để chất thải thực phẩm tồn đọng tại Cơ sở quá 24 giờ.

- Bố trí 10 các thùng chứa chất thải phù hợp (15 lít/thùng và 60 lít thùng), có nắp đậy tại khu vực nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc, nhà vệ sinh, đường nội bộ để thu gom chất thải phát sinh. Sau đó được tập kết tại 03 thùng di động có dung tích 120 lít bằng nhựa có nắp đậy, được lưu vào kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Hàng ngày, công nhân vệ sinh sẽ thu gom và vận chuyển đến khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt để chờ đưa đi xử lý.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở có diện tích 16 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế kho chứa tiêu chuẩn có tường bao bằng gạch, mái tôn kín không thấm nước, nền bê tông cốt thép chống thấm, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 05**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG**1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn**

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có kế hoạch thi công hợp lý nhằm đảm bảo tiến độ thi công cho dự án. Ví dụ như: Trời mưa có thể thi công bên trong công trình như trát, lát gạch, ốp tường....

- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế của dự án để sử dụng cho giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Khu vực công trường thi công được quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

- Thực hiện nạo vét thường xuyên các mương rãnh thoát nước, đặt các vách chắn bùn trên tuyến thoát nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải vệ sinh, rửa tay chân với lưu lượng 2,5 m³/ngày.đêm: Được thu gom 02 nhà vệ sinh di động, dung tích tích bể tự hoại 1,5 m³/bể. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

3. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 2 m³/ngày.đêm, được thu gom về hồ lắng dung tích 3 m³ (kích thước 2m x 1,5m x 1m) chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa chân tay của công nhân. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc tưới ẩm đường và khu vực thi công, không xả ra hệ thống thoát nước của khu vực.

4. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bốc xúc vận chuyển đổ thải chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước làm ẩm trên tuyến đường ra vào khu vực dự án, nguồn nước tưới giảm thiểu bụi đường được lấy từ nguồn nước sạch khu vực.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe; các phương tiện trước khi ra khỏi khu vực thi công sẽ được làm sạch bùn đất bám tại lốp xe và thùng xe bằng cách sử dụng vòi phun nước áp lực.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp hàng rào bằng tôn xung quanh các công trình trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

CTRS của công nhân làm việc trên công trường và lưu trú tại lán trại: bố trí 5 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 200 lít, có nắp đậy (tại khu vực lán trại bố trí 02 thùng chứa rác); 03 thùng chứa di động tại các khu vực thi công. Cuối ngày bố trí nhân viên dọn vệ sinh đưa rác ra khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để đơn vị thu gom rác thu gom đưa đi xử lý.

5.2. Đối với chất thải trong quá trình thi công xây dựng:

- Các phế liệu là chất trơ, không gây độc hại như gạch vỡ, đất, cát, đá dư thừa, rơi vãi... có tổng khối lượng khoảng: 1.467,97 tấn trong toàn bộ thời gian thi công; được thu gom sau mỗi ca làm việc. Lượng chất thải rắn này được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- Các loại gỗ, sắt, thép, bìa các tông, bao bì xi măng 0,08 tấn phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom với tần suất 01 lần/ngày để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Bố trí khu tập kết chất thải có diện tích 5 m² được bố trí ngay gần kho chứa VLXD. Nền được đổ bê tông, có tấm tôn quây xung quanh và bên trên lợp mái.

- Bùn từ nạo vét rãnh thoát nước, hố ga, hố lắng tạm: chủ yếu là đất, cát lắng cặn là CTR thông thường. Bùn cặn được lưu trong hố lắng cách xa nguồn

nước, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút bùn và chuyển giao, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Lượng chất thải phát sinh khác không thuộc những nhóm phân loại trên được thu gom và lưu trữ tạm thời, định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định. Tần suất thu gom 2 - 3 lần/tháng.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 50 lít và 100 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

7. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy cắt, máy xúc,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho Nhà máy không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động và các quy định khác thuộc về công tác bảo hộ lao động.

- Tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng cháy chữa cháy. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tiếp tục thực hiện các cam kết môi trường đã đăng ký với UBND xã Kim Tân trong hồ sơ đăng ký môi trường, thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường về xử lý nước thải và khí thải từ nồi hơi đốt củi đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

2. Trong thời gian tới, Công ty sử dụng nồi hơi điện thay thế cho nồi hơi đốt củi. Quá trình thực hiện đảm bảo hệ thống nồi hơi điện lắp đặt an toàn, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật; bố trí khu vực vận hành, cách điện, làm mát hợp lý, không phát sinh khí thải, khói bụi và tiếng ồn vượt quy chuẩn cho phép. Công ty cam kết thực hiện chuyển đổi sang nồi hơi điện chậm nhất trong tháng 12/2025.

3. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022

và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Phải kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

11. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.